

Bản án số: 89/2024/DS-PT

Ngày 07 - 3 - 2024

V/v: Tranh chấp di sản thừa kế
và hủy quyết định cá biệt

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;
Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Bích Hải;
Ông Bùi Xuân Trọng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Nhật Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Văn Hữu - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 279/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp di sản thừa kế và hủy quyết định cá biệt”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2022/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An có kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1615/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Cụ Nguyễn Thị Q, sinh năm 1928, vắng mặt;

Địa chỉ: Khối V, phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

* **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979, có mặt;

Địa chỉ: Khối V, phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Bùi Thị L, sinh năm 1970, có mặt;

Địa chỉ: Xóm G, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An;

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà L: Bà Nguyễn Thị T1, Luật sư Văn phòng L5, thuộc Đoàn Luật sư N7, có mặt.

2. Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1956, vắng mặt;

Địa chỉ: Khối V, phường Đ, thành phố V, Nghệ An.

3. Anh Bùi Khắc T2, sinh ngày 09/03/2000, vắng mặt;

4. Cháu Bùi Thị U, sinh ngày 01/07/2004, vắng mặt;

Địa chỉ: Khối V; phường V; thành phố V; tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Bùi Thị U: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979 (mẹ đẻ).

5. Bà Bùi Thị L1, sinh năm 1958 (mất ngày 17/4/2023);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L1, gồm:

- Cụ Nguyễn Thị Q, sinh năm 1928, vắng mặt;

Địa chỉ: Khối V, phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

- Ông Võ Văn A, sinh năm 1978, vắng mặt;

- Ông Võ Văn T3, sinh năm 1981, vắng mặt;

Đều cùng địa chỉ: Xóm G, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

- Bà Võ Thị H, sinh năm 1984, vắng mặt;

Địa chỉ: Xóm B, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An;

- Bà Võ Thị H1, sinh năm 1986, vắng mặt;

Địa chỉ: Khối V, phường V, thành phố V, Nghệ An.

- Bà Võ Thị H2, sinh năm 1990, vắng mặt;

Đ1 chỉ: Xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An;

Người đại diện theo ủy quyền cho cụ Q, ông A, ông T3, bà H, bà H1, bà H3: Bà Bùi Thị L (theo văn bản ủy quyền 24/8/2023).

6. Ông Bùi Khắc K, sinh năm 1952 (chết ngày 24/8/2023);

Địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Khắc K, gồm:

- Cụ Nguyễn Thị Q, sinh năm 1928, vắng mặt;

Địa chỉ: Khối V, phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

- Nguyễn Thị T4, sinh năm 1958, vắng mặt;

- Anh Bùi Khắc S, sinh năm 1989, vắng mặt;

- Ông Bùi Khắc N, sinh năm 1988, vắng mặt;

- Ông Bùi Khắc Q1, sinh năm 1992, vắng mặt;

- Bà Bùi Thị T5, sinh năm 1997, vắng mặt;

Đều trú tại: Thôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

- Bà Bùi Thị N1, sinh năm 1994, vắng mặt;

Trú tại: Thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền của cụ Q, bà T4, ông N, ông S, ông Q1, bà T5, bà N1: Bà Bùi Thị L (theo văn bản ủy quyền ngày 28/8/2023).

- Ông Bùi Khắc Đ2, vắng mặt;
- Ông Bùi Khắc L2, vắng mặt;
- Ông Bùi Khắc T6, vắng mặt;
- Bà Bùi Thị T7 (T8), sinh năm 1977, vắng mặt;
- Bà Bùi Thị N2, vắng mặt;

Đều trú tại: Khối V, phường V, thành phố V, Nghệ An.

7. Bà Nguyễn Thị H4, sinh 1973, vắng mặt;

Địa chỉ: Xóm G, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

8. Ông Nguyễn Văn N3, sinh 1975, vắng mặt;

9. Bà Nguyễn Thị L3, sinh 1978, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Khối H, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

10. Ông Nguyễn Văn S1, sinh 1986, vắng mặt;

Địa chỉ: Xóm G, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

11. Bà Hồ Thị N4, sinh năm 1961, vắng mặt;

Địa chỉ: Khối V, phường V, thành phố V, Nghệ An.

12. Ông Bùi Xuân H5, sinh 1981, vắng mặt;

Địa chỉ: Khối V, phường V, thành phố V, Nghệ An.

13. Ông Bùi Xuân H6, sinh 1986, vắng mặt;

Địa chỉ: Khối V, phường V, thành phố V, Nghệ An.

14. Bà Bùi Thị H7, sinh 1987, vắng mặt;

Địa chỉ: Xóm G, xã H, thành phố V, Nghệ An.

15. Bà Bùi Thị T9, sinh 1989, vắng mặt;

Địa chỉ: Xóm F, xã C, huyện H, Nghệ An.

16. Bà Bùi Thị N5, sinh năm 1964, vắng mặt;

Địa chỉ: Khối V, phường Đ, thành phố V, Nghệ An.

17. Bà Nguyễn Thị L4, sinh năm 1968, vắng mặt;

Địa chỉ: Khối V, phường V, thành phố V, Nghệ An.

18. Bà Bùi Thị M, sinh năm 1989, vắng mặt;

Địa chỉ: Xóm H, xã H, thành phố V, Nghệ An.

19. Bà Bùi Thị P, sinh năm 1991, vắng mặt;

Địa chỉ: Khối V, phường V, thành phố V, Nghệ An.

20. Ông Bùi Xuân Q2, sinh 2004, vắng mặt;
Địa chỉ: Khối V, phường V, thành phố V, Nghệ An.
21. Ông Bùi Khắc T10, sinh năm 1968, vắng mặt;
Địa chỉ: Khối V, phường V, thành phố V, Nghệ An.
22. Anh Bùi Xuân H8, sinh năm 1984, vắng mặt;
Địa chỉ: Phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An.
23. Chị Bùi Thị S2, sinh năm 1993, vắng mặt;
Địa chỉ: Phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L4, ông Bùi Khắc T10, bà Hồ Thị N4, bà Nguyễn Thị L3, ông Bùi Xuân Q2, bà Bùi Thị P, bà Nguyễn Thị H4, ông Bùi Xuân H5, ông Nguyễn Văn N3, bà Bùi Thị H7, bà Bùi Thị N5, bà Bùi Thị T9, bà Bùi Thị Y, chị Bùi Thị Y, bà Bùi Thị M, bà Bùi Thị Đ, ông Nguyễn Văn S1, ông Bùi Xuân H6, anh Bùi Xuân H8, bà Bùi Thị S2: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1970, địa chỉ: Xóm G, xã H, thành phố V, Nghệ An.

24. Bùi Thị H9, sinh năm 1982, vắng mặt;
Địa chỉ: K, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An.
25. Bùi Thị T11, sinh năm 1999, vắng mặt;
Địa chỉ: Khối V, phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An.
26. Bùi Khắc Đ3, sinh năm 1979, vắng mặt;
Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.
27. Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) thành phố V;
Địa chỉ: Số B, đường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc T12, chức vụ: Chủ tịch, vắng mặt.

28. UBND phường V, thành phố V, Nghệ An;
Địa chỉ: Số A, đường N, phường V, thành phố V, Nghệ An;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng M1, chức vụ: Chủ tịch, vắng mặt.

** Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị L.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là cụ Nguyễn Thị Q trình bày:

Vợ chồng cụ Nguyễn Thị Q và cụ Bùi Khắc H10 (cụ H10 chết năm 1999) có 10 người con gồm Bùi Khắc K, sinh năm 1952; Bùi Thị H11, sinh năm 1954; Bùi Thị Đ, sinh năm 1956; Bùi Thị L1, sinh năm 1958; Bùi Khắc T13, sinh năm

1961; Bùi Thị N5, sinh năm 1964; Bùi Khắc Q3, sinh năm 1966; Bùi Khắc T10, sinh năm 1968; Bùi Thị L, sinh năm 1970; Bùi Khắc T14, sinh năm 1973. Quá trình chung sống vợ chồng cụ Q, cụ H10 tạo lập và sử dụng ở trên thửa đất 1.837,20m² tại khối V, phường V, thành phố V, Nghệ An. Vợ chồng cụ Q, cụ H10 đã xây một gian nhà cấp 4 ba gian và ngôi nhà phụ trên thửa đất và sinh sống từ năm 1970 cho đến nay. Quá trình chung sống các con của hai cụ đều lập gia đình và ra ở riêng. Còn ông Bùi Khắc T14 con trai út lấy vợ (năm 1999) cụ Q và cụ H10 đã thống nhất cho vợ chồng Bùi Khắc T14 và vợ là Nguyễn Thị T chung sống cùng để chăm sóc bố mẹ lúc về già.

Cùng năm 1999, cụ Bùi Khắc H10 chết không để lại di chúc. Ngày 14/05/2004, cụ Nguyễn Thị Q được UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 228/QĐ.UBNDTP, diện tích 1.873,2m², thửa đất số 27, tờ bản đồ số 12 tại xóm V, phường V, thành phố V, Nghệ An. Diện tích thửa đất này là tài sản chung của vợ chồng cụ Q, cụ H10. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ Nguyễn Thị Q đã chuyển nhượng cho bà Hoàng Thị T15 diện tích 1.279,06m², diện tích đất còn lại là 594,14m², nhưng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Q ngày 22/09/2009 là 488,94m², diện tích đất còn lại 155,18m² đang nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 12 tháng 7 năm 2010, cụ Nguyễn Thị Q đã làm thủ tục tặng cho vợ chồng con trai út là Bùi Khắc T14, Nguyễn Thị T quyền sử dụng đất. Ngày 08/10/2010 UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 798528 mang tên Bùi Khắc T14 - Nguyễn Thị T đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ số 12 tại khối V, phường V, thành phố V, Nghệ An diện tích 488,90m², diện tích đất còn lại 155,18m² đang nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 02/03/2019, ông Bùi Khắc T14 con trai cụ Q, cụ H10 là chồng bà Nguyễn Thị T chết do bị bệnh không để lại di chúc. Di sản ông T14 để lại là quyền sử dụng đất là 488,94m² tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 12 tại khối V, phường V, thành phố V, Nghệ An và tài sản gắn liền với đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 155,18m² nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên diện tích đất còn có một gian nhà cấp 4 ba gian và ngôi nhà phụ của vợ chồng cụ Q, cụ H10 xây dựng ở từ năm 1970 đến nay.

Ông Bùi Khắc T14 chết được một thời gian, tháng 2/2021 sau khi giỗ mãn tang cho ông Bùi Khắc T14, các con của cụ Q, cụ H10 họp bàn về việc chăm sóc cụ Q nay đã quá già yếu. Cụ Q và các con của cụ Q bàn với bà Nguyễn Thị T về việc thừa kế di sản của ông Bùi Khắc T14, trích để lại một phần diện tích khoảng 150m², trên đó có căn nhà mà vợ chồng cụ Q, cụ H10 để làm nơi thờ cúng sau này, nhưng bà Nguyễn Thị T không đồng ý. Nay cụ Nguyễn Thị Q yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản ông Bùi Khắc T14 để lại gồm các loại tài sản trên đất và thửa đất số 27, tờ bản đồ số 12 khối V, phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An, diện tích 488,94m², diện tích đất còn lại 155,18m² đang nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Ngày 16/6/1999 bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Khắc T14 kết hôn, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà chồng

tại khối V, phường V, thành phố V. Năm 1999 cụ Bùi Khắc H10 chết, mẹ chồng là cụ Nguyễn Thị Q sinh sống cùng vợ chồng bà T. Vợ chồng bà T, ông T14 có 02 con chung là Bùi Khắc T2, sinh ngày 09/03/2000 và Bùi Thị U, sinh 02/07/2004. Ngày 02/03/2019, ông Bùi Khắc T14 chết không để lại di chúc. Quá trình chung sống hai vợ chồng có mấy sào ruộng để canh tác, hiện tại do chị ruột ông T14 là Bùi Thị N5 yêu cầu chuyển cho bà N5 để gán nợ khi ông T14 đánh bạc đã vay tiền bà N5 (không có giấy vay).

Ngày 23/11/2020 gia đình chồng tổ chức họp gia đình về việc chăm sóc cụ Nguyễn Thị Q với nội dung giao cho bà T trực tiếp chăm sóc cụ Q. Đầu năm 2021, cụ Q ốm nặng phải đi viện, bà T và các con của bà T đã tận tình chăm sóc cụ Q, tính đến nay đã 21 năm chung sống hòa thuận. Đến ngày 04/03/2021, bà Bùi Thị N5 (con gái cụ Q) đến đập phá, quấy rối, cho rằng gia đình T ngược đãi cụ Q và ép gia đình bà T phải phân chia thừa đất số 27, tờ bản đồ số 12 tại khối V, phường V, thành phố V. Bây giờ cụ Q đã 94 tuổi, sức khỏe yếu nên yêu cầu chia 150m² đất không phải là nguyện vọng của cụ Q. Thực chất cụ Q lúc còn khỏe mạnh đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng toàn bộ thừa đất cho vợ chồng bà T, ông T14. Khoảng giữa năm 2021, bà Bùi Thị L1 (con gái cụ Q) lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bên chuyển nhượng là Nguyễn Thị T, bên nhận chuyển nhượng là Bùi Thị L1, diện tích 120m², nhưng gia đình bà T không đồng ý ký.

Nay cụ Nguyễn Thị Q yêu cầu chia thừa kế phần di sản của ông Bùi Khắc T14 (chồng bà T) để lại, bà Nguyễn Thị T đồng ý chia phần di sản của ông T14 để lại theo quy định của pháp luật (đồng ý chia cho cụ Q khoảng 61,12m² đất trong đó đất ở 31,25m², đất vườn 29,87m²); yêu cầu bà Bùi Thị N5, Bùi Thị L, Bùi Thị L1 không được tự ý bán đất ruộng tại thửa 73, tờ bản đồ 41, diện tích 783,9m²; việc 4 sào ruộng tính gán nợ 140.000.000 đồng nên đề nghị bà N5 xóa nợ cho gia đình bà T thì bà T làm thủ tục chuyển nhượng cho bà N5 theo quy định, hoặc bà N5 trả lại đất ruộng cho gia đình bà T, đề nghị bà N5 cung cấp đầy đủ giấy vay nợ của ông T14, gia đình bà T trả đủ số tiền 227.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị L về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố V cấp cho cụ Q năm 2009 và cấp chuyển cho vợ chồng ông T14, bà T năm 2010 và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của cụ Bùi Khắc H10 (bố chồng) bà Nguyễn Thị T không đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Bùi Khắc T2 và chị Bùi Thị U trình bày:

Anh T2, chị U là con của ông T14, bà T, nay ông T14 đã chết, cụ Q và các ông bà con của cụ H10, cụ Q yêu cầu tranh chấp tài sản liên quan, anh T2, chị U đồng ý với ý kiến, quan điểm của bà Nguyễn Thị T. Nếu được hưởng phần di sản của bố (Ông T14) anh T2, chị U thống nhất giao cho mẹ là bà T toàn quyền định đoạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Bùi Thị L trình bày:

Bố mẹ bà L là cụ Bùi Khắc H10 và cụ Nguyễn Thị Q kết hôn năm 1951, sinh được 10 người con như cụ Q trình bày; hiện 4 người đã chết gồm, Bùi Thị H11, Bùi Khắc T13, Bùi Khắc Q3, Bùi Khắc T14.

- Bà Bùi Thị H11 chết ngày 16/11/2013, có chồng là Nguyễn Văn K1 (đã chết) và các con là Nguyễn Văn N3, Nguyễn Thị H4, Nguyễn Thị L3 và Nguyễn Văn S1.

- Ông Bùi Khắc T13 chết ngày 21/10/2015, có vợ bà Hồ Thị N4 và các con Bùi Xuân H5, Bùi Xuân H6, Bùi Xuân H8, Bùi Thị T9, Bùi Thị Y, Bùi Thị H7, Bùi Thị S2.

- Ông Bùi Khắc Q3 chết ngày 19/9/2011, có vợ là bà Nguyễn Thị L4 và các con Bùi Thị M, Bùi Thị P, Bùi Xuân Q2.

- Ông Bùi Khắc T14 chết ngày 02/3/2019, có vợ là bà Nguyễn Thị T và các con là Bùi Khắc T2 và Bùi Thị U.

Quá trình chung sống cụ H10, cụ Q tạo lập được thửa đất diện tích 1.837,20m² và xây dựng hai ngôi nhà cấp bốn, các công trình tọa lạc trên đất, tại khối V, phường V, thành phố V, Nghệ An. Ngày 26/6/1999, cụ Bùi Khắc H10 chết, không để lại di chúc phân chia tài sản thừa kế cho vợ và các con. Sau khi cụ H10 chết, cụ Q vẫn ở tại ngôi nhà và trên thửa đất; đến sau tết năm 2021, do cụ Q ốm nặng, không tự phục vụ được bản thân nên con gái là bà Bùi Thị L1 đưa về ở cùng để chăm sóc.

Quá trình ở cùng trên thửa đất năm 2017, vợ chồng ông Bùi Khắc T14, bà Nguyễn Thị T (em bà L) tự xây dựng một nhà 2 tầng khoảng 130m² tọa lạc trên thửa đất của bố mẹ (Cụ H10, cụ Q) mà không bàn bạc gì với anh, chị em trong gia đình. Tháng 3/2019, em trai là Bùi Khắc T14 chết, đến tháng 2/2021 anh chị em trong gia đình họp bàn về việc chăm sóc mẹ (Cụ Q) và phân chia đất ở là tài sản thừa kế của cụ Bùi Khắc H10 thì bà Nguyễn Thị T (Vợ ông T14) cho rằng, bìa đỏ đã mang tên Bùi Khắc T14 và Nguyễn Thị T, không ai có quyền lấy lại đất. Sau đó anh em bà L tìm hiểu sự việc và đến các cơ quan chức năng xin sao y được một số giấy tờ có liên quan đến đất ở của cụ H10, cụ Q mới biết được: Ngày 14/05/2004, UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 228/QĐ-UBND, diện tích 1.837,20m² thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ 12, tại xóm V, phường V, thành phố V, Nghệ An mang tên Nguyễn Thị Q. Sau đó, cụ Nguyễn Thị Q đã bán đi 1.279,06m² cho bà Hoàng Thị T15, diện tích còn lại 594,14m², nhưng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Q ngày 22/9/2009 là 488,94m², diện tích còn lại 155,18m² nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh chị em bà L không biết diện tích đất này ở đâu. Khi làm thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Nguyễn Thị Q năm 2004 và năm 2009, tại thời điểm này cụ Bùi Khắc H10 bố bà L đã chết, nhưng 10 người con của cụ H10 không ai được biết. UBND thành phố V không xem xét đã có văn bản khai nhận di sản thừa kế của 10 người con của cụ

Q, cụ H10 hay chưa, tại hồ sơ cấp giấy không có bất kỳ ý kiến gì của 10 anh chị em con của hai cụ. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Q làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của 10 anh, chị, em bà L.

Xuất phát từ việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Nguyễn Thị Q không đúng và dưới sự chỉ đạo của ông Bùi Khắc T14 đã làm thủ tục chuyển nhượng cho bà Hoàng Thị T15 ở xóm V, xã V, thành phố V, Nghệ An diện tích 1.279,06m², giá tiền bán đất bao nhiêu cụ Q cũng không biết và cầm tiền mà tất cả là do ông T14 sắp đặt. Việc cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên đều trái với các quy định của pháp luật. Đáng lẽ, anh chị em bà L yêu cầu hủy toàn bộ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng không muốn xâm phạm đến quyền và lợi ích của bà Hoàng Thị T15. Nhưng, nếu cần thiết để giải quyết vụ án được đúng đắn theo quy định của pháp luật về luật đất đai thì bà L cũng đồng ý hủy bìa đất của bà Hoàng Thị T15.

Do đó, phần diện tích đất còn lại là 488,94m² và 155,18m² đất trong thửa đất chưa được cấp bìa là phần đất thừa kế còn lại của cụ H10, nên bà Bùi Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung sau:

Hủy quyết định về việc cấp và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 683730 do UBND thành phố V cấp ngày 22/9/2009, thuộc thửa đất 27, tờ bản đồ số 12 diện tích 488,94m² tại xóm V, phường V, thành phố V, Nghệ An mang tên bà Nguyễn Thị Q; Hủy quyết định số 7128/QĐ- UBND về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 798528 do UBND thành phố V cấp ngày 08/10/2010 thuộc thửa đất 27, tờ bản đồ số 12 diện tích 488,94m² tại xóm V, phường V, thành phố V, Nghệ An mang tên Bùi Khắc T14 - Nguyễn Thị T; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 273992 do UBND thành phố V cấp ngày 14/05/2004 thuộc thửa đất 27, tờ bản đồ số 12 diện tích 1.873,20m² tại xóm V, phường V, thành phố V, Nghệ An mang tên bà Nguyễn Thị Q.

Chia tài sản thừa kế của cụ Bùi Khắc H10 theo quy định của pháp luật, thửa đất số 27, tờ bản đồ số 12, diện tích 644,12m², trong đó đã cấp bìa 488,94m² và 155,18m² chưa cấp bìa có gắn liền với tài sản là nhà cấp 4 ba gian là tài sản thừa kế còn lại của cụ H10 cho 9 người con còn lại (trừ cụ Quang T16). Phần thừa kế được hưởng, bà L tự nguyện nhập chung cùng các thừa kế khác để làm lại nhà cho cụ Q ở và nơi thờ cúng sau này.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Bùi Thị L cho rằng, năm 2004 cụ Q kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tự định đoạt chuyển nhượng cho bà T15 1.279,06m² là vượt quá phần của cụ Q trong khối tài sản chung của vợ chồng. Nhưng để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho bà T15 là người nhận chuyển nhượng đất ngay tình, nên bà L không yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Q ngày 14/5/2004.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị Đ, bà Bùi Thị N5, ông Bùi Khắc T10, bà Hồ Thị N4, bà Nguyễn Thị L4 thống nhất trình bày:

Đồng ý với yêu cầu độc lập của bà Bùi Thị L, phần của các ông, bà được hưởng thừa kế nhập chung làm nơi thờ cúng.

Các ông Bùi Khắc K, bà Nguyễn Thị L3, ông Bùi Xuân Q2, bà Bùi Thị P, ông Nguyễn Văn H12, ông Bùi Xuân H5, ông Nguyễn Văn N3, bà Bùi Thị H7, bà Bùi Thị L1, bà Bùi Thị T9, bà Bùi Thị Y, bà Bùi Thị M, bà Bùi Thị Đ, ông Nguyễn Văn S1, ông Bùi Xuân H6, anh Bùi Xuân H8 và bà Bùi Thị S2 thống nhất trình bày:

Nhất trí với nội dung khởi kiện yêu cầu độc lập của bà Bùi Thị L. Các ông bà thống nhất phần thừa kế được hưởng nhập chung để làm nơi ở cho cụ Q và làm nơi thờ cúng chung sau này và thống nhất ủy quyền cho bà Bùi Thị L tham gia tố tụng.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố V trình bày:

Ngày 14/5/2004, UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số Y 273992 đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ số 12, diện tích 1837,2m² tại khối V, phường V cho bà Nguyễn Thị Q. Phản ánh tại hồ sơ là đất sử dụng trước ngày 04/1/1989, ổn định, phù hợp quy hoạch, không tranh chấp. Ngày 22/9/2009, UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số AO 683730 đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ số 12, diện tích 488,94m² tại khối V, phường V cho bà Nguyễn Thị Q do bà Q đã tách thửa, chuyển nhượng một phần diện tích thửa đất cho bà Hoàng Thị T15 theo Hợp đồng chuyển nhượng do UBND phường V chứng thực. Ngày 08/10/2010, UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số BD 798528 đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ số 12, diện tích 488,94m² tại khối V, phường V cho ông Bùi Khắc T14 - bà Nguyễn Thị T do nhận chuyển nhượng nguyên thửa của bà Nguyễn Thị Q theo Hợp đồng chuyển nhượng do Văn phòng C ngày 12/7/2010.

Việc UBND thành phố V cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số Y 273992 ngày 14/5/2004 đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.837,2m² tại khối V, phường V cho bà Nguyễn Thị Q; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số AO 683730 ngày 22/9/2009 đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ số 12, diện tích 488,94m² tại khối V, phường V cho bà Nguyễn Thị Q; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số BD 798528 ngày 08/10/2010 đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ số 12, diện tích 488,94m² tại khối V, phường V cho ông Bùi Khắc T14 - bà Nguyễn Thị T đã được thực hiện đúng trình tự thủ tục, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì công dân sử dụng ổn định, không có tranh chấp. Vì vậy, UBND thành phố V không đồng ý với những yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Bùi Thị L và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của UBND phường V, thành phố V trình bày: Tại hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Q thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.837,2m² do UBND thành phố V cấp

ngày 14/05/2004 tại thời điểm đó chồng bà Q là ông Bùi Khắc H10 đã chết. Tuy nhiên, tại hồ sơ không thể hiện có văn bản phân chia tài sản thừa kế của các con ông Bùi Khắc H10 và bà Nguyễn Thị Q. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Q tại thời điểm năm 2004 là chưa đảm bảo ảnh hưởng đến quyền thừa kế và lợi ích hợp pháp về tài sản của các con ông H10, bà Q.

Ngày 22/09/2009 UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Q với diện tích 488,94m² và ngày 08/10/2010 UBND thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 758528 cho ông Bùi Khắc T14 và bà Nguyễn Thị T thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ số 12 thuộc khối V, phường V, thành phố V với diện tích 488,94m² là chưa đảm bảo thủ tục theo quy định.

Kết quả định giá ngày 18/11/2021: Về đất: thửa đất tranh chấp có giá thị trường là 6.500.000đ/m² = 3.177.850.000 đồng (Ba tỷ một trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng)

Về tài sản trên đất: Nhà ở của ông H10, bà Q là nhà cấp 4, mái lợp ngói đỏ, móng xây đá gạch, tường xây gạch, da quét vôi ve, nền láng xi-măng, diện tích 45m xây dựng khoảng năm 1970 có giá khoảng 21.150.000 đồng (hai mươi một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng); Nhà liền kề với nhà của ông H10, bà Q là nhà cấp 4, tường xây bằng gạch có da trát có rêu phủ, mái lợp ngói xi-măng hiện đã xuống cấp hư hỏng không sử dụng được có diện tích 52,8m² trị giá 11.352.000 (Mười một triệu ba trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Nhà ở của bà T, ông T14: Nhà ở hai tầng, móng xây đá hộc, tường xây gạch, nền lát gạch men, có bếp và khu vệ sinh khép kín, diện tích xây dựng sàn 115m² có giá 422.625.000 đồng (Bốn trăm hai mươi hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kết quả thẩm định và sơ đồ kèm theo thì diện tích của thửa đất tranh chấp có tổng diện tích là 657,5m (trong đó có 488,94m² đất ở đô thị và 155,18m nằm trong quy hoạch mở đường không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 13,38m' đất tăng thêm do đo đạc).

Ngoài ra trên đất còn có một số tài sản là bờ rào, cổng sắt, mái tôn, cánh cổng do vợ chồng ông T14, bà T xây dựng, nhưng không yêu cầu định giá.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2022/DS-ST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ các điều 26, 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính; các điều 609, 612, 613, 623, 649, 651, 652, 660 và Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần yêu cầu của cụ Nguyễn Thị Q và chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Bùi Thị L. Tuyên xử:

1. Hủy Quyết định số 3675/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận QSD

đất và Giấy chứng nhận QSD đất số A0 683730 của UBND thành phố V cấp ngày 22/9/2009 mang tên Nguyễn Thị Q; hủy Quyết định số 7128/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận QSD đất và giấy chứng nhận QSD đất số BB 798528 của UBND thành phố V cấp cho ông Bùi Khắc T14, bà Nguyễn Thị T đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ số 12, diện tích 644,12m² (Trong đó 155,18m² không được cấp giấy CNQSD đất), tại khối V, phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Buộc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thi hành nhiệm vụ theo công vụ.

2. Trích, chia phần di sản thừa kế của cụ Bùi Khắc H10 để lại là diện tích quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ số 12, diện tích 644,12m² (Trong đó 155,18m² không được cấp giấy CNQSD đất), tại khối V, phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An, hiện đang do bà cụ Nguyễn Thị Q và mẹ con bà Nguyễn Thị T, anh Bùi Khắc T2, chị Bùi Thị U quản lý, sử dụng; Trích, chia di sản của ông Bùi Khắc T14 là một phần trong khối tài sản chung của vợ chồng ông T14, bà T gồm, diện tích đất và ngôi nhà hai tầng xây dựng năm 2017, các công trình trên đất đi kèm, trị giá 422.625.000 đồng và diện tích đất được trích chia là 281,94m², thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ số 12, tại xóm V, phường V, thành phố V, Nghệ An.

Trích, chia cụ thể như sau:

2.1. Trích; chia cho cụ Nguyễn Thị Q và các đồng thừa kế của cụ Bùi Khắc H10 (Trừ các thừa kế của ông Bùi Khắc T14) được sử dụng 245,11m² đất (trong đó 143m² đất ở, 110m² đất vườn), trị giá 1.593.215.000 đồng và ngôi nhà cấp bốn 03 gian trị giá 21.150.000 đồng, các loại tài sản tọa lạc trên phần đất thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ số 12, tại xóm V, phường V, thành phố V, Nghệ An. Phần diện tích đất có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa đất 57 có độ dài 4,87m + 9,14m; phía Nam giáp phần đất không được cấp giấy chứng nhận QSD đất có độ dài 4,86m + 9,03m; phía Đông giáp phần đất giao cho bà T và các thừa kế ông T14 dài 20,63m; phía Tây giáp thửa đất số 38 có độ dài 17,32m + 7,81m;

Tạm giao cho cụ Nguyễn Thị Q và các đồng thừa kế của cụ Bùi Khắc H10 (Trừ các thừa kế của ông Bùi Khắc T14) sử dụng 63,8m² đất trong khuôn viên thửa đất không được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Có tứ cận: Phía Bắc giáp phần đất giao trích chia cho cụ Q dài 4,86m + 9,03m; phía Nam giáp đường xóm có độ dài 12,77m; phía Đông giáp phần đất tạm giao cho bà T dài 5,52m; phía Tây giáp phần thửa đất 38 dài 4,31m.

2.2. Trích; chia cho bà Nguyễn Thị T và các đồng thừa kế của ông Bùi Khắc T14 (Trừ cụ Q) được sử dụng, sở hữu 243,83m² đất (Trong đó 107m² đất ở, 128,94m² đất vườn) và ngôi nhà hai tầng, các công trình đi kèm tọa lạc trên phần diện tích đất thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ số 12, tại xóm V, phường V, thành phố V, Nghệ An, trị giá diện tích đất 1.584.895.000 đồng, tài sản trên đất 422.625.000 đồng. Phần diện tích đất có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa đất 57 có độ dài 9,41m + 2,84m; phía Nam giáp phần đất không được cấp giấy chứng nhận QSD đất có độ dài 9,30m + 7,60m; phía Đông giáp đường ngõ có độ dài 2,67m

+ 9,86m + 10,85m; phía Tây giáp phần đất giao cho cụ Q và các thừa kế cụ H10 dài 20,63m;

Tạm giao cho bà Nguyễn Thị T và các thừa kế của ông T14 (Trừ cụ Q) sử dụng 91,4m² đất trong khuôn viên thửa đất không được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Có tứ cận: Phía Bắc giáp phần đất giao trích chia cho bà T dài 9,30m + 7,60m; phía Nam giáp đường xóm có độ dài 7,68m + 6,59m + 2,97m; phía Đông giáp đường ngõ rộng 3,05m; phía Tây giáp phần đất giao cho cụ Q rộng 5,52m.

2.3. Bà Nguyễn Thị T phải trích chia trị giá tài sản thừa kế cho cụ Nguyễn Thị Q 52.828.000 đồng.

(Chi tiết các phần đất có sơ đồ kèm theo Bản án).

Cụ Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị T, anh Bùi Khắc T2, chị Bùi Thị U là những người đang quản lý, sử dụng đất, tài sản trên đất có nghĩa vụ thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên đương sự; những người liên quan có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Buộc cụ Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị T, anh Bùi Khắc T2, chị Bùi Thị U phải tháo dỡ ngôi nhà cấp bốn (Ngôi nhà phụ hướng N) trên phần đất được trích, chia cho bà Nguyễn Thị T, anh Bùi Khắc T2, chị Bùi Thị U và giao đất cho họ quản lý, sử dụng.

4. Về án phí:

4.1. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Nguyễn Thị Q, bà Bùi Thị Đ, bà Bùi Thị L1, ông Bùi Khắc K.

4.2. Bà Bùi Thị L phải chịu 38.910.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Phần án phí của các đồng thừa kế của cụ H10 được nhận tài sản thuộc diện phải chịu án phí sơ thẩm), nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0009694 ngày 01/12/2021.

4.3. Bà Nguyễn Thị T phải chịu 47.636.610 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn giải quyết về chi phí tố tụng và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/9/2022 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An có Quyết định kháng nghị số 1909/QĐKNPT-VKS-DS với nội dung kháng nghị một phần bản án. Ngày 12/9/2022 bị đơn là bà Nguyễn Thị

T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án; ngày 19/9/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị L có đơn kháng cáo một phần bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữ nguyên nội dung kháng nghị; những người kháng cáo cơ bản giữ nguyên nội dung kháng cáo. Phía bị đơn bổ sung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đối với việc Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa thiếu người tham gia tố tụng là bà H9 và bà T11. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị L bổ sung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét để giao phần di sản thừa kế của cụ H10 mà cụ Q được hưởng cho phía bà L, chia giá trị tài sản là nhà cho cụ Q.

Các đương sự trình bày:

- *Bị đơn là bà Nguyễn Thị T có kháng cáo trình bày:* Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án thiếu khách quan, không xem xét đầy đủ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm thiệt hại cho phía bị đơn; Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận việc hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; không chia di sản thừa kế của ông Bùi Khắc T14 là căn nhà 02 tầng cho cụ Nguyễn Thị Q. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là đã đưa thiếu người tham gia tố tụng là chị H9 và chị T11. Do đó, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị L có kháng cáo trình bày:*

Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét đầy đủ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không xem xét đến dấu hiệu giả mạo chữ ký của cụ Q trong hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất với vợ chồng bà Nguyễn Thị T để xác định đúng ý chí của cụ Nguyễn Thị Q; từ đó đã quyết định chuyển ký phần thừa kế của cụ Q cho bà Nguyễn Thị T và các con.

Năm 2017 thì vợ chồng bà T làm nhà ở riêng, còn cụ Q vẫn ở ngôi nhà cũ, thời gian quản lý thừa đất của cụ Q là 71 năm, trong khi vợ chồng ông T làm nhà ở riêng từ năm 2017 đến 2019 thì ông T mất và đến năm 2022 thì phát sinh tranh chấp, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm trích công sức cho bà T 235,94m² đất là không thỏa đáng.

Do đó, đề nghị Hội đồng phúc thẩm không xác định công sức cho bà T; nhập ký phần của cụ Q được hưởng chung với ký phần phía bà được hưởng để làm nơi thờ cúng.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà L trình bày:

Kháng cáo của bị đơn không có căn cứ để chấp nhận với lý do bỏ sót người tham gia tố tụng; vì ở cấp phúc thẩm đã đưa đầy đủ họ tham gia, họ đã có văn bản thể hiện quan điểm và không có yêu cầu gì, nên không ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của họ, nên thiếu sót này đã được khắc phục.

Việc hủy các quyết định cấp GCNQSD đất và các GCNQSD đất là có căn cứ. Vì xét nguồn gốc đất là của cụ H10, cụ Q; nhưng sau khi cụ H10 chết thì cụ Q đã tự ý kê khai để cấp GCNQSD đất mang tên mình khi chưa có sự đồng ý

của tất cả các thừa kế của cụ H10; sau đó cụ Q tự ý chuyển nhượng phần lớn diện tích đất cho bà T15, phần còn lại cụ Q tự ý lập hợp đồng tặng cho vợ chồng bà T khi chưa được sự đồng ý của các đồng thừa kế của cụ H10 là vi phạm pháp luật, từ việc tặng cho trái quy định nên việc UBND thành phố V đã cấp GCNQSD đất cho vợ chồng bà T là trái pháp luật, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã hủy các GCNQSD đất là có căn cứ.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm đã trích công sức cho bà T tương đương diện tích 235,94m² là không đúng. Vì thực tế cụ H10 chết từ năm 1999, đến năm 2017 thì vợ chồng bà T mới làm nhà, phần lớn do cụ Q quản lý; quá trình sử dụng không phải tôn tạo thêm gì; cụ Q đã bán phần lớn diện tích đất và đã vượt quá quyền về tài sản của cụ Q, nên việc trích công sức như bản án sơ thẩm là thiếu căn cứ.

Đối với ngôi nhà hai tầng không được xem xét để chia cho cụ Q là không đúng.

Vì vậy, kháng cáo của bà L và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà T, chấp nhận kháng cáo của bà L và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, sửa bản án sơ thẩm.

Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để chia di sản thừa kế, hủy GCNQSD đất đã cấp cho cụ Nguyễn Thị Q; ông Bùi Khắc T14 và bà Nguyễn Thị T là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định để trích công sức cho bà Nguyễn Thị T và cụ Nguyễn Thị Q không phù hợp; bản án sơ thẩm quyết định về án phí không đúng; quyết định của bản án sơ thẩm không đầy đủ, rõ ràng gây khó khăn cho công tác thi hành án. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An; không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T và bà Bùi Thị L.

Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1, 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An; sửa bản án sơ thẩm theo hướng nhận định trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị Q là đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của con trai là ông Bùi Khắc T14, cũng như yêu cầu độc lập của bà Bùi Thị L là chia di sản thừa kế của bố là Bùi Khắc H10 để lại là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ số 12, diện tích 644,12m², tại khối T, phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An và tài sản trên đất. Đây là vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo thủ tục tố tụng dân sự; ngoài yêu cầu chia di sản thừa kế, thì bà L còn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây gọi tắt là GCNQSD) đất, đây là quyết định hành chính cá biệt của cơ quan hành chính Nhà nước cấp huyện trong lĩnh vực quản lý đất đai, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Cụ Bùi Khắc H10 chết năm 1999, ông Bùi Khắc T14 chết năm 2019. Căn cứ Điều 688, Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu mở thừa kế đối với bất động sản là 30 năm. Ngày 30/9/2021 cụ Nguyễn Thị Q nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản của ông Bùi Khắc T14; ngày 30/11/2021 bà Bùi Thị L có yêu cầu độc lập yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Bùi Khắc H10, nên đều đang trong thời hiệu khởi kiện. Do đó, Tòa án thụ lý giải quyết là có căn cứ, quá trình giải quyết thì bà Bùi Thị L có yêu cầu độc lập là yêu cầu hủy các GCNQSD đất, nên mặc dù Tòa án nhân dân thành phố Vinh đã thụ lý, nhưng sau đó chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định tại Điều 32 Luật Tố tụng hành chính và khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng: Cấp sơ thẩm đã xác định nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, còn thiếu một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng tại cấp phúc thẩm đã đưa họ vào tham gia tố tụng và họ đã có văn bản thể hiện ý kiến của mình về giải quyết vụ án và không có yêu cầu, khiếu nại gì, nên quyền lợi của họ đã được bảo đảm. Tại cấp phúc thẩm người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Khắc K và bà Bùi Thị L1 chết, nên Tòa án cấp phúc thẩm đã đưa những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông K, bà L1 vào tham gia tố tụng để kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K, bà L1; nhưng một số người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K (gồm ông Bùi Khắc Đ2, ông Bùi Khắc L2 và ông Bùi Khắc T6) không phối hợp tham gia tố tụng, nên coi như từ bỏ quyền của mình. Quá trình giải quyết vụ án một số đương sự vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt, hoặc đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, hoặc đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại Điều 227; khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] Xét kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Xét về nguồn gốc tài sản và yêu cầu hủy các GCNQSD đất của bà Bùi Thị L, thấy: Theo hồ sơ quản lý đất đai, ý kiến của chính quyền địa phương, cũng như các đương sự thừa nhận thì cụ Bùi Khắc H10 và cụ Nguyễn Thị Q là vợ chồng, quá trình chung sống vợ chồng tạo lập được khối tài sản là quyền sử

dụng diện tích 1.837,12m² tại khối T, phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An và tài sản trên đất là một nhà cấp 4 ba gian và nhà phụ; sau khi cụ Bùi Khắc H10 chết; năm 2004, cụ Nguyễn Thị Q tự mình lập hồ sơ kê khai đề nghị cấp GCNQSD đất và ngày 14/5/2004 được UBND thành phố V cấp GCNQSD đất mang tên Nguyễn Thị Q, diện tích 1.837,2m². Năm 2009 cụ Nguyễn Thị Q làm thủ tục chuyển nhượng cho bà Hoàng Thị T15 một phần diện tích 1.279,06m² đã được UBND thành phố V cấp GCNQSD đất cho bà Hoàng Thị T15; phần diện tích còn lại đã được UBND thành phố V cấp GCNQSD đất ngày 22/9/2009 cho cụ Nguyễn Thị Q với diện tích 488,94m² và 155,18m² không được cấp GCNQSD đất. Ngày 12/7/2010 cụ Nguyễn Thị Q lập hợp đồng tặng cho ông Bùi Khắc T14, bà Nguyễn Thị T đối với phần diện tích còn lại này; hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C1; căn cứ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, ngày 08/10/2010 UBND thành phố V đã cấp GCNQSD đất số BB798528 cho ông Bùi Khắc T14 và bà Nguyễn Thị T với diện tích là 488,94m² (trong đó 250m² đất ở và 238,9m² đất trồng cây lâu năm). Như vậy, xét về nguồn gốc sử dụng đất là của cụ Bùi Khắc H10 và cụ Nguyễn Thị Q; theo quy định của pháp luật thì vợ chồng có quyền ngang nhau về tài sản, nên tài sản nêu trên về nguyên tắc mỗi cụ được hưởng ½. Tuy nhiên, sau khi cụ H10 chết, cụ Q đã tự ý chuyển nhượng cho bà T15 diện tích 1.279,06m² là vượt quá phần tài sản của mình, nhưng phần chuyển nhượng cho bà T15 vượt quá này các đương sự không có yêu cầu xem xét, nên tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là có căn cứ. Đối với phần diện tích đất và tài sản còn lại, sau đó cụ Q tiếp tục lập hợp đồng tặng cho vợ chồng bà T toàn bộ phần tài sản này khi không được sự thống nhất, thỏa thuận của các đồng thừa kế của cụ H10 là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, việc chuyển nhượng, tặng cho phần vượt quá phần về tài sản cụ của Q không có hiệu lực pháp luật, nên phần diện tích đất đang tranh chấp vẫn là di sản của cụ H10 để lại. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu độc lập của bà L là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.2] Xét về công sức duy tu, quản lý di sản thừa kế của vợ chồng ông T14, bà T và cụ Q, thấy: Các đương sự đều thừa nhận, sau khi ông T14 kết hôn với bà T thì vợ chồng về chung sống với cụ H10 và cụ Q trên thửa đất tranh chấp; sau khi cụ H10 chết vợ chồng ông T14, bà T và cụ Q tiếp tục quản lý, sử dụng đối với tài sản này, cũng như có công trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cụ Q, nên đã có công lớn trong việc duy tu, tôn tạo, quản lý đối với tài sản này; bà L cho rằng phần cụ Q đã chuyển nhượng cho bà T15 vượt quá phần về quyền về tài sản cũng như phần trích công sức duy tu, tôn tạo của cụ Q. Tuy nhiên, phần chuyển nhượng này là do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, còn công sức trong việc quản lý, tôn tạo thì vẫn phải xem xét. Trong quá trình chung sống cụ Q đã tặng cho vợ chồng ông T14, bà T sử dụng phần diện tích đất của cụ Q, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho vợ chồng ông T14, bà T kể cả phần thừa kế của cụ Q được hưởng và trích công sức quản lý tôn tạo cho cụ Q và vợ chồng ông T14 235,94m² (107m² đất ở, 128,94m² đất vườn) là có căn cứ, phù hợp với pháp luật.

[3.3] Xét yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Bùi Khắc H10, xét thấy: Như

đã phân tích ở trên thì di sản của cụ H10 để lại là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ số 12, diện tích 488,94m² (Trong đó 250m² đất ở, 238,94m² đất vườn) và 155,18m² đất trong khuôn viên thửa đất không được cấp GCNQSD đất. Cụ Bùi Khắc H10 chết không để lại di chúc nên di sản của cụ H10 để lại được chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Cụ Bùi Khắc H10 và cụ Nguyễn Thị Q có 10 người con; trong đó có 04 người con đã chết nhưng chết sau cụ H10 và đều có gia đình, con cái. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa vợ, chồng, con của những người đã chết tham gia tố tụng và xác định họ được hưởng thừa kế đối với kỷ phần mà bố, mẹ, vợ hoặc chồng của họ được hưởng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Theo đó, hàng thừa kế thứ nhất của cụ H10 gồm 10 người con và cụ Q, tổng là 11 kỷ phần.

[3.4] Về phương pháp chia di sản thừa kế của cụ H10: Căn cứ biên bản thẩm định tại chỗ thì diện tích đất thực tế còn lại tại thời điểm xem xét thẩm định là 657,5m² (trong đó có 488,94m² đã được cấp GCNQSD đất và 155,18m² chưa được cấp GCNQSD đất); phần diện tích chưa được cấp GCNQSD đất nằm trong quy hoạch mở đường. Đối với diện tích đất đã được cấp GCNQSD đất sau khi trừ đi diện tích trích công sức cho ông T14, bà T và cụ Q; diện tích còn lại 253m² được chia đều cho 11 kỷ phần, mỗi kỷ phần được hưởng là 23m² (trong đó có 13m² đất ở và 10m² đất trồng cây lâu năm); do cụ Q đã tặng cho vợ chồng bà T nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho bà T và các con được hưởng cả phần của cụ Q là có căn cứ; 09 kỷ phần còn lại, các đương sự đều thống nhất nhập chung để xây dựng làm nơi thờ cúng, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K, bà L1; cũng như những người thừa kế của bà H11 và ông Q3 thống nhất nhập phần mình được hưởng vào kỷ phần thừa kế cho bà L để cùng sử dụng chung làm nơi thờ cúng; xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, nên có căn cứ chấp nhận. Đối với phần diện tích 155,18m² trong khuôn viên thửa đất nhưng chưa được cấp GCNQSD đất, được xác định là phần đất quy hoạch đường giao thông, nên cấp sơ thẩm tạm giao cho các đương sự quản lý, sử dụng là phù hợp.

[3.5] Đối với 02 ngôi nhà cấp bốn, các đương sự xác định là tài sản của vợ chồng cụ Q, cụ H10 tạo lập trên đất, mặc dù định giá ngôi nhà 03 gian trị giá 21.150.000 đồng và ngôi nhà phụ liền kề trị giá 11.352.000 đồng, nhưng hiện đã xuống cấp nặng không thể sử dụng được. Quá trình giải quyết tranh chấp những thừa kế của cụ H10 và bà T đều thống nhất không chia, nếu thuộc phần đất thừa kế, thì tự nguyện tháo dỡ để giao đất cho người được quyền sử dụng, không có yêu cầu gì.

[3.6] Xét yêu cầu của cụ Nguyễn Thị Q về yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Bùi Khắc T14, thấy rằng: Trong quá trình giải quyết tranh chấp, mẹ con bà Nguyễn Thị T và cụ Nguyễn Thị Q xác định, di sản của ông Bùi Khắc T14 là một phần trong khối tài sản chung của vợ chồng ông T14, bà T gồm; diện tích đất và ngôi nhà hai tầng xây dựng năm 2017, các công trình trên đất đi kèm, trị giá 422.625.000 đồng và diện tích đất được trích, chia là 281,94m, thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ số 12, tại xóm V, phường V, thành phố V. Phần di sản của

ông T14 để lại gồm: Suất thừa kế của cụ H10 23m² đất; ½ của 235,94m² = 117,97m² đất được trích công sức; ½ 23m² suất thừa kế của cụ Q = 11,5m², tổng cộng 152,47m² và trị giá ½ ngôi nhà hai tầng, các công trình đi kèm là 211.312.500 đồng. Ông Bùi Khắc T14 chết ngày 02/3/2019 không để lại di chúc. Những người trong hàng thừa kế thứ nhất của ông T14 gồm, cụ Q, bà T, anh T2 và chị U. Do đó cần chấp nhận một phần yêu cầu của cụ Q về phân chia di sản thừa kế của ông Bùi Khắc T14 để lại, mỗi người được hưởng di sản thừa kế tương đương với diện tích đất là 38,11m² đất và 52.828.000 đồng; cụ Q có nguyện vọng nhập chung kỷ phần quyền sử dụng đất được hưởng vào cùng bà L và các thừa kế của cụ H10 để sử dụng chung; mẹ con bà T, anh T2, chị U nhập chung giao cho bà T; Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu này của các đương sự là phù hợp; nhưng bà T phải trích, chia trị giá tài sản cho cụ Q 52.828.000 đồng.

[4] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An Thấy:

[4.1] Nội dung kháng nghị liên quan đến trích công sức cho cụ Q, vợ chồng ông T thì như đã phân tích ở trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm trích công sức như bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên kháng nghị nội dung này không có căn cứ chấp nhận.

[4.2] Đối với kháng nghị liên quan đến nội dung trách nhiệm chịu án phí, thấy: Các thừa kế của cụ Bùi Khắc H10 được chia mỗi kỷ phần có giá trị là 149.500.000đ, nên các đương sự phải chịu án phí tương ứng với giá trị kỷ phần mình được hưởng; cụ thể mỗi kỷ phần phải chịu án phí là 7.475.000đ, bà L tự nguyện chịu án phí cho 06 kỷ phần tổng là 44.850.000đ. Đối với phân tích công sức cho cụ Q, ông T14 và bà T thì các thừa kế của cụ H10 phải chịu án phí của số tiền này theo đúng quy định tại khoản 7 Điều 7 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nên mỗi thừa kế phải chịu thêm 6.971.000đ; bà L tự chịu án phí cho 06 thừa kế là 41.826.000đ. Do đó tổng bà L phải chịu án phí cho cả hai khoản là 86.676.000đ; cấp sơ thẩm chỉ buộc bà L phải chịu 38.910.000đ là thiếu căn cứ. Đối với án phí về chia di sản thừa kế của ông T14 thì mỗi kỷ phần được chia trị giá 300.543.000đ, anh T2, chị U nhường kỷ phần thừa kế của mình cho bà T được hưởng, nên bà T phải chịu án phí đối với cả ba kỷ phần với tổng số tiền là 54.081.000đ, nhưng bản án sơ thẩm lại buộc bà T phải chịu 47.636.610đ là không có căn cứ.

[4.3] Ngoài ra, bản án sơ thẩm tuyên không rõ ràng, nên Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm để tuyên lại cho rõ ràng, để đảm bảo thi hành án.

Tổng hợp các phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ toàn diện vụ án, nên đã giải quyết chia thừa kế đã đảm bảo được quyền lợi của các bên đương sự, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà L, bà T. Tuy nhiên, như đã nhận định ở trên thì Tòa án cấp sơ thẩm có một số sai sót, như tuyên không rõ ràng, quyết định nghĩa vụ chịu án phí không đúng, những sai sót này của Tòa án cấp sơ thẩm tại Tòa án cấp phúc thẩm đã khắc phục được nên không cần thiết hủy bản án sơ

thẩm, nhưng cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các đương sự, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, để sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[6] Án phí: Người kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị L; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2022/DS-ST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Cụ thể như sau:

Căn cứ các điều 26, 34 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 32 Luật Tố tụng hành chính; các Điều 609, 612, 613, 623, 649, 651, 652, 660 và Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần yêu cầu của cụ Nguyễn Thị Q và chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Bùi Thị L.

Tuyên xử:

1. Hủy Quyết định số 3675/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSD đất và GCNQSD đất số A0 683730 của UBND thành phố V cấp ngày 22/9/2009 mang tên Nguyễn Thị Q; hủy Quyết định số 7128/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSD đất và GCNQSD đất số BB 798528 của UBND thành phố V cấp cho ông Bùi Khắc T14, bà Nguyễn Thị T đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ số 12, diện tích 644,12m² (Trong đó 155,18m² không được cấp giấy CNQSD đất), tại khối V, phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

2. Xác định di sản thừa kế của cụ Bùi Khắc H10 để lại là quyền sử dụng diện tích 488,94m² đất đã được cấp GCNQSD đất (trong đó 250m² đất ở và 238,94m² đất trồng cây lâu năm) và 155,18m² không được cấp GCNQSD đất; thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ số 12 tại khối V, phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An, hiện đang do bà cụ Nguyễn Thị Q và mẹ con bà Nguyễn Thị T, anh Bùi Khắc T2, chị Bùi Thị U quản lý, sử dụng.

3. Xác định di sản của ông Bùi Khắc T14 là 152,47m² và giá trị ½ căn nhà hai tầng xây dựng năm 2017, các công trình trên đất đi kèm là 211.312.500 đồng thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ số 12, tại xóm V, phường V, thành phố V, Nghệ An.

4. Phân chia di sản thừa kế của cụ Bùi Khắc H10 và ông Bùi Khắc T14 theo quy định của pháp luật, cụ thể:

4.1 Giao cho bà Nguyễn Thị T, anh Bùi Khắc T2, chị Bùi Thị U được sử dụng, sở hữu 243,83m² đất (Trong đó 107m² đất ở, 128,94m² đất vườn) và ngôi nhà hai tầng, các công trình đi kèm tọa lạc trên phần diện tích đất thuộc một phần thửa đất số 27, tờ bản đồ số 12, tại xóm V, phường V, thành phố V, Nghệ An, trị giá diện tích đất 1.584.895.000 đồng, tài sản trên đất 422.625.000 đồng. Phần diện tích đất có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa đất 57 có độ dài 9,41m + 2,84m; phía Nam giáp phần đất không được cấp giấy chứng nhận QSD đất có độ dài 9,30m + 7,60m; phía Đông giáp đường ngõ có độ dài 2,67m + 9,86m + 10,85m; phía Tây giáp phần đất giao cho các thửa kế khác của cụ H10 dài 20,63m.

Tạm giao cho bà Nguyễn Thị T, anh Bùi Khắc T2, chị Bùi Thị U sử dụng 91,4m² đất trong khuôn viên thửa đất không được cấp GCNQSD đất. Có tứ cận: Phía Bắc giáp phần đất giao trích chia cho bà T dài 9,30m + 7,60m; phía Nam giáp đường xóm có độ dài 7,68m + 6,59m + 2,97m; phía Đông giáp đường ngõ rộng 3,05m; phía Tây giáp phần đất giao cho các thửa kế khác dài 5,52m.

4.2. Giao cho cụ Nguyễn Thị Q; bà Bùi Thị L; bà Bùi Thị Đ; bà Bùi Thị N5; ông Bùi Khắc T10; anh Nguyễn Văn N3, chị Nguyễn Thị H4, chị Nguyễn Thị L3, anh Nguyễn Văn S1, chị Nguyễn Thị H13 (là người thừa kế của bà Bùi Thị H11); bà Hồ Thị N4, anh Bùi Xuân H5, anh Bùi Xuân H6, anh Bùi Xuân H8, chị Bùi Thị T9, chị Bùi Thị Y, chị Bùi Thị H7, chị Bùi Thị S2 (là người thừa kế của ông Bùi Khắc T13); bà Nguyễn Thị L4, chị Bùi Thị M, chị Bùi Thị P, anh Bùi Xuân Q2, anh Bùi Khắc T10, chị Bùi Thị T11 (là thừa kế của của ông Bùi Khắc Q3); bà Nguyễn Thị T4, anh Bùi Khắc S, anh Bùi Khắc N, anh Bùi Khắc Q1, chị Bùi Thị T5, chị Bùi Thị N1, ông Bùi Khắc Đ2, ông Bùi Khắc L2, ông Bùi Khắc T6, Bà Bùi Thị T7 (T8), bà Bùi Thị N2, (là thừa kế của ông Bùi Khắc K) được sử dụng, sở hữu diện tích 245,11m² đất (trong đó 143m² đất ở, 110m² đất vườn), trị giá 1.593.215.000 đồng và ngôi nhà cấp bốn 03 gian trị giá 21.150.000 đồng, các loại tài sản tọa lạc trên một phần thửa đất thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ số 12, tại xóm V, phường V, thành phố V, Nghệ An. Phần diện tích đất có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa đất 57 có độ dài 4,87m + 9,14m; phía Nam giáp phần đất không được cấp GCNQSD đất có độ dài 4,86m + 9,03m; phía Đông giáp phần đất giao cho bà T10 và các thửa kế ông T14 dài 20,63m; phía Tây giáp thửa đất số 38 có độ dài 17,32m + 7,81m.

Tạm giao cho cụ Nguyễn Thị Q; bà Bùi Thị L; bà Bùi Thị Đ; bà Bùi Thị N5; ông Bùi Khắc T10; anh Nguyễn Văn N3, chị Nguyễn Thị H4, chị Nguyễn Thị L3, anh Nguyễn Văn S1, chị Nguyễn Thị h (là người thừa kế của bà Bùi Thị h1); bà Hồ Thị N4, anh Bùi Xuân H5, anh Bùi Xuân H6, anh Bùi Xuân H8, chị Bùi Thị T9, chị Bùi Thị Y, chị Bùi Thị H7, chị Bùi Thị S2 (là người thừa kế của ông Bùi Khắc T13); bà Nguyễn Thị L4, chị Bùi Thị M, chị Bùi Thị P, anh Bùi Xuân Q2, chị Bùi Thị T11, anh Bùi Khắc Đ3 (là thừa kế của của ông Bùi Khắc Q3) bà Nguyễn Thị T4, anh Bùi Khắc S, anh Bùi Khắc N, anh Bùi Khắc Q1, chị Bùi Thị T5, chị Bùi Thị N1, ông Bùi Khắc Đ2, ông Bùi Khắc L2, ông Bùi Khắc T6, Bà Bùi Thị T7 (T8), bà Bùi Thị N2, (là thừa kế của ông Bùi Khắc K) sử

dụng 63,8m² đất trong khuôn viên thửa đất không được cấp GCNQSD đất. Có tứ cận: Phía Bắc giáp phần đất giao trích chia cho cụ Q dài 4,86m + 9,03m; phía Nam giáp đường xóm có độ dài 12,77m; phía Đông giáp phần đất tạm giao cho bà T10 dài 5,52m; phía Tây giáp phần thửa đất 38 dài 4,31m.

(Chi tiết các phần đất có sơ đồ kèm theo như bản án sơ thẩm).

4.3. Bà Nguyễn Thị T phải trích chia trị giá tài sản thừa kế cho cụ Nguyễn Thị Q số tiền là 52.828.000 đồng.

Các bên đương sự; những người liên quan có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Kê từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Nguyễn Thị Q, bà Bùi Thị Đ, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho bà Bùi Thị L1 và ông Bùi Khắc K.

- Bà Bùi Thị L phải chịu 86.676.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Phần án phí của các đồng thừa kế của cụ H10 được nhận tài sản thuộc diện phải chịu án phí sơ thẩm), nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0009694 ngày 01/12/2021.

- Bà Nguyễn Thị T phải chịu 45.081.450 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị L và bà Nguyễn Thị T mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà hai bà đã nộp theo các biên lai số 0012168 ngày 04/10/2022 và 0012175 ngày 07/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An; xác nhận bà L, bà T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

6. Giữ nguyên các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 34/2022/DS-ST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THA dân sự tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm